

THÔNG BÁO LUỒNG

Thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia tháng 5/2017 tại tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải qui định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số 1705/BC-SGTVT ngày 29/5/2017 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc Báo cáo luồng đường thủy nội địa quốc gia tháng 5/2017.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo thường xuyên luồng đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

1. Tình hình mực nước

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 08 tuyến đường thủy nội địa quốc gia được Bộ GTVT, Cục ĐTNĐ Việt Nam ủy quyền cho Sở GTVT thực hiện công tác quản lý, bảo trì, gồm các tuyến: Kênh Nga, Kênh De, Kênh Choán, Sông Tào, Sông lèn, Sông Mã, Sông Bưởi và tuyến Lạch Bạng-Đảo Mê (Phụ lục 01 kèm theo).

2. Tình hình luồng

Trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 45 vật chướng ngại các loại (cầu, đường dây điện...) vượt qua 07 tuyến (Phụ lục 02 kèm theo).

3. Bãi cạn

Trên các tuyến đường thủy nội địa quốc gia địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 11 bãi cạn các loại nằm trên 06 tuyến (Phụ lục 03 kèm theo).

4. Một số điều lưu ý

Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố Thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tháng 5/2017 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết./.

Nơi nhận:

- Cục trưởng (để b/c);
- Các đơn vị vận tải;
- Sở GTVT Thanh Hóa;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Lưu: VT, QLKCHT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hoàng Minh Toàn

PHỤ LỤC 1: TÌNH HÌNH MỨC NƯỚC THÁNG 04/2017 CÁC TUYẾN ĐTNĐ QUỐC GIA, ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
 (Kèm theo Văn bản số 1034/CDTNĐ-QLKCHT ngày 07 tháng 6 năm 2017)

TT	Sông	Trạm chính	Mức nước lớn nhất trong tuần (Hmax)		Mức nước nhỏ nhất trong tuần (Hmin)	
			Mức nước (m)	Thời gian	Mức nước (m)	Thời gian
1	Kênh Nga	Báo Văn	+2.02	19h ngày 01/5	-0.36	12h ngày 15/5
2	Sông Mã	Hàm Rồng	+1.35	18h ngày 01/5	-1.35	11h ngày 02/5
3	Sông Lèn	Lạch Sung	+2.00	20h ngày 15/5	-0,35	12h ngày 15/5
		Đò Lèn	+2,32	19h ngày 14/5	-0,34	12 h ngày 14/5
4	Sông Bưởi	Kiều	+4,48	7h ngày 22/5	+4,16	19h ngày 10/5
5	Sông Tào	Tào Xuyên	+1,40	19h ngày 01/5	-1,15	11h ngày 15/5
6	Lạch Bạng - Đảo Mê	Lạch Bạng	+1,30	20h ngày 18/5	-1,10	9h ngày 16/5
7	Kênh De	Lạch Sung	+2.05	19h ngày 15/5	-0,3	14h ngày 15/5
8	Kênh Choán	Tào Xuyên	+1,4	19h ngày 1/5	-1,45	11h ngày 15/5

PHỤ LỤC 2: CÁC VẬT CHỨNG NGẠI TRÊN CÁC TUYẾN ĐTND QUỐC GIA, THÁNG 05/2017 ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
 (Kèm theo Văn bản số /CĐTND-QLKCHT ngày tháng 6 năm 2017)

TT	Tuyến, sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng của luồng			
				Độ sâu h_{min}	Độ sâu h_{max}	Độ sâu thực đo	Chiều rộng (B)
1	K. Nga	Cầu Báo Văn	Km 25+00; bờ T. Nga Lĩnh; bờ P. Hà Hải	2,03	4,41	4	30
2	K. Nga	Cầu Đa Nam	km16+200; bờ T. Hà Lan; bờ P. Hà Vinh	1,94	4,32	3,8	16
3	K. Nga	Cầu Điền Hộ	Km0+00. bờ T. Nga Điền; bờ P. Nga Điền	1,31	3,69	3,5	25
4	K. Nga	Đường điện 35 KV	km23+400 bờ T.Nga Thắng; bờ P Hà Hải	2,09	4,47	3,95	30
5	K. Nga	Đường điện 10KV	km19+350; bờ T. Ba Đình; bờ P Hà Châu	1,3	3,68	3,35	30
6	K. Nga	Đường điện 35 KV	km11+050; bờ T. Nga Thiện; bờ P Hà Vinh	2,33	4,71	4,35	30
7	S. Mã	Cầu Hoàng Long	Km 17+200; bờ T. Hoàng Long ; bờ P. Hàm Rồng	5,08	7,78	7,2	40
8	S. Mã	Cầu Hàm Rồng	km17+500; bờ T. Tào Xuyên ; bờ P. Hàm Rồng	5,59	8,29	7,5	45
9	S. Mã	Cầu Yên Hoàng	Km45+600. bờ T.Vĩnh Hùng; Bờ p . Định Tân	3,6	6,3	5,6	30
10	S. Mã	Đường điện 35 KV	Km 17+450, bờ T. Tào Xuyên ; bờ P. Hàm Rồng	4,86	7,56	6,2	38
11	S. Mã	Đường điện 110 KV	Km 18+630, bờ T. Tào Xuyên ; bờ P. Hàm Rồng	4,65	7,35	6,5	37
12	S. Mã	Đường điện 220v	Km 36+600, Bờ T Vĩnh An ; Bờ P Định Công	3,8	6,5	5,8	30
13	S. Mã	Đường điện 110v	Km 39+870, Bờ T Vĩnh Hùng; Bờ P Định Công	3,7	6,4	5,9	30
14	S. Mã	Đường điện 110v	Km 47+100, Bờ T Vĩnh Hùng; Bờ P Định Tiến	3,5	6,2	5,7	29
15	S. Mã	Đường điện 110v	Km 48+300, Bờ T Vĩnh Hùng; Bờ P Định Tân	3,2	5,9	5,1	29
16	S. Mã	Đường điện 500 KV	Km 50+900, Bờ T Vĩnh Hòa; Bờ P Định Hải	3,1	5,8	5,2	30
17	S.Lèn	Cầu Lèn đường bộ	km 40+600, Bờ T TT.Đò Lèn, Bờ P Đại Lộc	1,26	3,92	2,9	33
18	S.Lèn	Cầu Lèn đường sắt	km 40+700 Bờ T TT.Đò Lèn, Bờ P Đại Lộc	1,06	3,72	2,8	55
19	S.Lèn	Cầu thăm	km 22+00, Bờ T Nga Thạch; Bờ P Liên Lộc	2,66	5,32	3,95	90
20	S.Lèn	Đường điện 35 KV	km 43+00 Bờ T Hà Ngọc, Bờ P Châu Lộc	1,36	4,02	3,55	100
21	S.Lèn	Đường điện 110 KV	km 40+800 Bờ T TT.Đò Lèn, Bờ P Đại Lộc	1,06	3,72	2,55	110

PHỤ LỤC 3: CÁC BÀI CẠN TRÊN CÁC TUYẾN ĐTND QUỐC GIA, THÁNG 05/2017 ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Văn bản số /CDTND-QLKCHT ngày tháng 6 năm 2017)

TT	Sông	Tên bãi cạn trọng điểm - Lý trình	Độ sâu (h)	Mực nước (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	Ngày đo
1	Kênh Nga	Bãi Cạn Hà Hải km 25+080 đến km 25+220	1,9	+0,70	-1,2	28	140	20/5
2	Sông Mã	Bãi Cạn Hoàng Phượng km 26+200 đến km 27+00	2,3	+0,8	-1,5	34	800	15/5
3	Sông Mã	Bãi cạn Hoàng Khánh km 32+300 đến km 34+00	2,3	+0,85	-1,45	28	700	15/5
4	Sông Mã	Bãi Cạn Thiệu Quang km 32+600 đến km 34+00	1,62	+0,70	-1,52	35	1400	15/5
5	S.Lèn	Bãi cạn km 4+00 đến 4+500	2,7	+1,0	-1,7	30	500	10/5
6	Sông Lèn	Bãi cạn Hà Sơn km44+800 - km46+800	1,8	+0,7	-1,1	20	2000	10/5
7	Sông Lèn	Bãi cạn Hà Sơn km50+00 - km50+850	2,3	+0,9	-1,4	30	850	10/5
8	Sông Bưởi	Bãi cạn xã Vĩnh Long - Km 11+100	1,25	+4,25	+3,0	32	240	17/5
9	S.Tào	Bãi cạn Hoàng Lý km16+850 đến km17+00	2,5	+0,9	-1,6	12	150	12/5
10	K.Choán	Bãi cạn Hoàng Hà km9+100 đến km9+300	2,3	+0,8	-1,5	8	200	12/5
11	Lạch Bạng - Đào Mê	Bãi cạn hải Thanh từ km1+00 - km2+00	2,6	-0,6	-3.20	60	1000	21/5